**Chọn ý đúng cho các câu sau: (Thuốc chống động kinh)**

4.41. Tác nhân chủ yếu cần tránh khi bảo quản phenytoin natri:

 A. Ánh sáng B. Nhiệt độ cao

 C. Khí CO2 trong không khí D. Cả A, B và C

4.42. Dạng động kinh nhóm thuốc succinimid là đặc trị:

 A. Toàn thể cơn lớn (grand mal) B.Toàn thể cơn nhỏ (petit mal)

 C. Động kinh cục bộ D. Cả A, B và C

4.43. Phương pháp lựa chọn định lượng primidon:

 A. Acid-base / DMF; NaOH 0,1M B. Quang phổ UV

 C. HPLC D. Cả A, B và C

4.44. Cơ chế tác dụng chung của thuốc chống động kinh:

 A. Tăng ngưỡng đáp ứng kích thích vận động ở vỏ não.

 B. Tăng hoạt tính GABA tại vị trí tổn thương ở não.

 C. Ức chế trung tâm vận động ở thần kinh trung ương.

 D. Chỉ A và B.

4.45. Phương pháp tin cậy định lượng ethosuximid trong viên 250mg:

 A. HPLC B. Quang phổ UV

 C. Acid-base / DMF D. Chỉ A hoặc B

4.46. Dạng động kinh clonazepam là thuốc đặc trị:

 A. Toàn thể co giật (grand mal) B. Cục bộ

C. Toàn thể không co giật (petit mal) D. Cả A, B và C

4.47. Carbamazepin là thuốc đặc trị dạng động kinh:

 A. Toàn thể co giật (grand mal) B. Cục bộ

C. Toàn thể không co giật (petit mal) D. Cả A, B và C

4.48. Chọn thuốc điều trị hiệu quả động kinh không co giật cho trẻ em:

 A. Phenytoin natri B. Valproat natri

 C. Clonazepam D. Cả A, B và C

4.49. Tác dụng phụ có thể xảy ra khi uống clonazepam kéo dài:

 A. Song thị, loạn vận ngôn. B. Khô miệng, chán ăn.

 C. Rối loạn công thức máu. D. Cả A, B và C

4.50. Hóa tính của thuốc chống động kinh dẫn chất hydantoin:

 A. Tính acid do còn H linh động.

 B. Dễ tan trong dung dịch NaOH loãng..

 C. Dung dịch dễ bị kết tủa lại do khí CO2 trong không khí.

 D. Cả A, B và C.